TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Tý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Giới
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QD9ST-HNGĐ ngày 12/11/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Thanh T**, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: thôn PN, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.
* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã ĐT, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không lo làm ăn mà thường chơi bời, cá độ, bài bạc. Chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi mà trái lại giữa vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sống với mong muốn để anh C tĩnh tâm lại. Đến năm 2017, nhận thấy

anh C có sự thay đổi nên chị T chấp nhận đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng đến năm 2018, thì anh C tiếp tục sa vào con đường ăn chơi, bài bạc, không chăm lo cho gia đình, con cái, nên giữa vợ chồng lại sảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nay chị T xác định tình cảm dành cho anh C không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống giữa chị T và anh C có 02 con chung tên là Trịnh Gia B, sinh ngày 07/09/2013 và Trịnh Thiên B, sinh ngày 14/4/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Chị T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất và thứ hai anh C đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét cho chị T được ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 07/09/2013 và Trịnh Thiên B, sinh ngày 14/4/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: không đề nghị xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại: ấp C, xã ĐT, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh C nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau bình thường, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C vi phạm nghĩa vụ của người chồng trong gia đình, không lo làm ăn để chăm lo cho kinh tế gia đình mà thường chơi bời, không có công việc ổn định, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn, dẫn đến việc sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hoà giải, đoàn tụ gia đình nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho Chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung tên là Trịnh Gia B, sinh ngày 07/09/2013 và Trịnh Thiên B, sinh ngày 14/4/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Xét thấy, cháu Gia B và Thiên B chưa thành niên, hiện các cháu đang sống với chị T, cháu Gia B có nguyện vọng được ở với chị T, cháu Thiên B hiện còn nhỏ; bản thân chị T có công việc, thu nhập ổn định nên cần giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng cho con chung chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trịnh Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Trịnh Gia Bảo, sinh ngày 07/09/2013 và Trịnh Thiên Bảo, sinh ngày 14/4/2018 cho chị Trịnh Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trịnh Thị Thanh T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004788 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã ĐT;
-Các đương sự;
-Lưu HS, BP.HNGĐ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tý

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Hòa;
-Các đương sự;
-Lưu HS, BP.HNGĐ.

Phan Thị Tý

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 29 tháng 11 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Tý.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Giới
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Thanh T**, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Cầu 2, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trịnh Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Trịnh Gia Bảo, sinh ngày 07/09/2013 và Trịnh Thiên Bảo, sinh ngày 14/4/2018 cho chị Trịnh Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trịnh Thị Thanh T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004788 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

4. Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ..... phút, ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**